TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **210/**2019/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 23 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 18, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Anh **Bùi T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Thị Giang, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn H và anh Bùi T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao 02 (hai) con chung là Bùi C, sinh ngày 07/4/2005 và Bùi K, sinh ngày 28/01/2012 cho chị Nguyễn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, anh Bùi T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, vì hiện tại chị H không yêu cầu.

Anh Bùi T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn H và anh Bùi T xác định có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Nguyễn H và anh Bùi T xác định không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn H tự nguyện nhận nộp án phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 150.000đồng *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002912 ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn H số tiền chênh lệch là 150.000đồng *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*.

Anh Bùi T không phải chịu án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã An Tường,TP.Tuyên Quang(để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang